TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Vui;
2. Bà Quách Thị Yến Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Liêm- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên toà: Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát Viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1985;
2. Bị đơn: Anh Dương Quang V, sinh năm 1978;
Cùng địa chỉ: Số 06, tổ 8, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.
Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày: Chị T và anh V chung sống vào năm 2002 tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Đá. Sau ngày vợ chồng sống tự lập, từ tháng 02-2023 phát sinh mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, đi đánh tài xỉu ăn tiền, đá gà ăn tiền, chị khuyên không nghe. Tháng 3-2023, vợ chồng cải vã chị thuê nhà trọ sống đến nay, khi đi chị có dẫn 02 con tên H và H1 nhưng anh V không cho, do đó các con sống với anh V.

Vợ chồng ly thân từ tháng tháng 03-2023 đến nay. Quá trình ly thân anh V không điện thoại kêu chị về, nhưng chị có về thăm và mua sữa cho 02 con.

Tháng 7-2023, chị bị tai nạn giao thông bị người ta đụng trúng chân trái, hiện đang điều trị tại nhà, anh V biết chị bị tai nạn nhưng không qua thăm chị,

không điện thoại hỏi thăm, không kêu chị về, cũng không bàn bạc việc đoàn tụ gia đình.

Vê hôn nhân: Chị T xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung : Có 04 con chung tên Dương Ngọc Mai, sinh năm: 2003; Dương Nhựt P, sinh năm: 2007; Dương Quang H, sinh năm: 2017; Dương Gia H1, sinh năm: 27-6-2021 đang sống với anh V. Chị T yêu cầu nuôi 03 con tên P, H và H1, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì chị đang làm công nhân tại Công ty Phước Đông tại huyện Gò Dầu, tiền lương bình quân 9.000.000 đồng/tháng. Riêng con tên Mai đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí hôn nhân: Chị T đồng ý chịu theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Dương Quang V trình bày: Về thời gian chung sống, kết hôn, về con chung đúng như chị T khai. Anh thừa nhận có mê đá gà, chị T khuyên nhưng anh không nghe, vợ chồng cải vã, chị T bỏ đi thuê nhà trọ sống đến nay. Quá trình ly thân, anh không kêu chị T về.

Về hôn nhân: Anh V xin đoàn tụ để cùng nhau lo cho các con.

Về con chung: Có 04 con chung tên họ đúng như chị T khai. Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi con P, sinh năm: 2007; đồng ý giao 02 con H và H1 cho chị T nuôi; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết con tên Mai vì đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V.

2. Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con tên H, sinh năm: 2017 và con tên H1, sinh năm: 27-6-2021. Giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng con tên P, sinh năm: 2007.

Ghi nhận: Chị T, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết con tên Dương Ngọc Mai vì đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn Dương Quang V theo đúng quy định pháp luật nhưng anh V có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị T, xét lời trình bày của chị T xác định chị và anh V tự nguyện chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09- 12-2003 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh V. Xét thấy: Chị T và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002. Quá trình chung sống, chị T nhận thấy anh V không quan tâm gia đình, thường xuyên tham gia tài xỉu, đá gà ăn thua bằng tiền, chị khuyên anh V không nghe. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân đã lâu không còn tình cảm. Quá trình giải quyết, anh V cũng thừa nhận có đá gà, chị T khuyên không nghe (bút lục 21, 22). Qua xác minh tại địa phương, xác định anh V có tham gia đá gà là đúng sự thật (bút lục 24). Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Hai anh chị có 04 con, chị T yêu cầu nuôi 03 con tên P, H và H1. Quá trình giải quyết, anh V đồng ý giao con tên 02 cháu H và H1 cho chị T nuôi dưỡng, do đó cần giao 02 con tên H và H1 cho chị T nuôi dưỡng; riêng cháu P nguyện vọng xin sống với anh V do đó cần giao anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu P là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết, chị T, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết con tên Mai vì đã trưởng thành nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[6] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V; giao con tên H1 và H cho chị T nuôi dưỡng, giao con tên P cho anh V nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Dương Quang V.

Chị T và anh V không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2.Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con tên Dương Quang H, sinh năm: 2017 và con tên Dương Gia H1, sinh năm: 27-6-2021. Giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng con tên Dương Nhựt P, sinh năm: 2007. Anh V có nghĩa vụ giao 02 con tên H và H1 cho chị T nuôi dưỡng khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận: Chị T, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết con tên Dương Ngọc Mai vì đã trưởng thành.

Chị T và anh V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị T, anh V thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mộng T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0013425 ngày 15-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị T có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh V vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Hiền